

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/ 02/ 2025

V/v tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Đỗ Duy Hùng**

2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 679/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

➤ *Nguyên đơn:* Chị **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

➤ *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh H có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc T trình bày:*

- Chị và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ

chồng từ tháng 8/2024 đến nay. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn, thường xuyên tham gia cờ bạc, gây ra nợ về mắng chửi và đánh đập chị. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 23/02/2005 đã thành niên và Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011 hiện do chị nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Theo tờ tự khai đề ngày 16/01/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai chị T. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ thay đổi không nặng lời với chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung như lời chị T khai là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, chị T, anh H vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và con chung với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của vợ chồng, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con

chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Lê Ngọc T và anh Nguyễn Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo bản sao Trích lục kết hôn số 267/TLKH-BS ngày 19/11/2024, do vậy hôn nhân chị T, anh H là hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn và tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 8/2024 đến nay. Nguyên nhân do anh H không lo làm ăn thường xuyên tham gia cờ bạc, gây ra nợ và thường mắng chửi, đánh đập chị T, mặc dù anh H hứa khắc phục không nặng lời mắng chửi chị T và từ khi cắt đứt quan hệ vợ chồng anh H cũng không lần nào gặp chị T để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn. Hơn nữa chị T đã một lần làm đơn xin ly hôn anh H, sau chị rút đơn để tạo điều kiện vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, nhưng sau khi rút đơn đến nay tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà còn tự cắt đứt quan hệ vợ chồng và anh H còn có hành vi bạo hành, đánh đập chị T, như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

- Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung:

- Chị T, anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 23/02/2005 đã thành niên và Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011 hiện do chị T nuôi dưỡng.

Nhận thấy con chung anh chị Nguyễn Thị Thu D, sinh ngày 23/02/2005 đã thành niên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. còn Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011. Tại phiên tòa chị T, anh H đều có yêu cầu nuôi.

Xét thấy qua lời khai tham khảo cháu G tại tờ tự khai đề ngày 27/12/2024, cũng như lời khai tại Phiên tòa thì cháu G có nguyện vọng được sống với mẹ. Hơn nữa con hiện do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm con chung mà tiếp tục giao Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh H.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Không tranh chấp, hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Không có nợ chung.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc T;

Cho chị Lê Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Ngọc T;

Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011 cho chị Lê Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Nguyễn Văn H.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết.

- Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có nợ chung.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Lê Ngọc T chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016202 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã thi hành xong tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc B,
H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn

Nơi nhận:

- \ - VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc B, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày tháng 02 năm 2025.

Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cái Bè

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Phạm Văn N**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông

2. Ông

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 679/2024/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “*Xin Ly hôn và nuôi con chung*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

* Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 100% (3/3) như sau:

* Về quan hệ: Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung.

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc T;

Cho chị Lê Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*:

- Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Ngọc T;

Giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc G, sinh ngày 04/11/2011 cho chị Lê Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Không chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Nguyễn Văn H .

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra giải quyết

- Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không đặt ra giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Không có nợ chung.

6. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Chị Lê Ngọc T chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016202 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã thi hành xong tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày tháng 02 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

- Thành Viên Hội Đồng X

- T - Chủ Tọa P